

CHIẾN THUẬT CẢI THIỆN CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI)

Trình Hoàng Sơn^{1*}

TACTIC TO IMPROVE THE PROVINCIAL COMPETITIVENESS INDEX (PCI)

Trinh Hoang Son^{1*}

Tóm tắt – Nghiên cứu này phân tích dữ liệu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) từ năm 2006 đến năm 2020 để tìm hiểu nguyên nhân biến động của chỉ số này tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam. Các phương pháp được sử dụng để xử lý dữ liệu gồm: thống kê mô tả, so sánh và phân tích tổng hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự lúng túng nhất định trong thực tiễn triển khai việc cải thiện điểm số PCI của một số tỉnh, từ đó đề xuất một chiến thuật sử dụng các mô hình PDCA, SWOT để xây dựng quy trình thực hiện, đồng thời đề xuất ưu tiên cho các chỉ số thành phần có trọng số cao nhằm nhanh chóng cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, làm động lực cải thiện các chỉ số thành phần còn lại.

Từ khóa: chỉ số cạnh tranh năng lực cấp tỉnh (PCI), cải thiện điểm số PCI, chiến thuật.

Abstract – This study examines the data of the Provincial Competitiveness Index (PCI) from 2006 to 2020 to look for the causes of its changes in the 63 provinces and central cities of Vietnam. The data processing methods are descriptive statistics, comparative analysis and meta-analysis. The results show a certain confusion in the practice of implementing PCI scores improvements in some provinces. Thereby, the study suggests a tactic of using PDCA and SWOT mod-

els to design the implementation processes and prioritize the high-weighted component indexes to quickly improve PCI scores, motivating and strengthening the remaining component indexes.

Keywords: improvement in PCI score, Provincial Competitiveness Index (PCI), tactic.

I. GIỚI THIỆU

Cũng như nhiều quốc gia khác, để đo lường mức độ phát triển, Việt Nam hiện đang sử dụng các chỉ số được các tổ chức quốc tế khuyến nghị như Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA), Chỉ số phát triển con người (HDI) của Liên Hiệp Quốc [1, tr.100-115], Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Diễn đàn Kinh tế Thế giới [2]. Ở cấp tỉnh, với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), năm 2005, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã xây dựng và công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để đo lường mức độ phát triển kinh tế của một tỉnh. Theo VCCI, ‘hiện PCI đã trở thành một sản phẩm “made in Viet Nam” được tham khảo và triển khai ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có cả những nền kinh tế đang cải cách mạnh mẽ như Ấn Độ, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Srilanka, Bangladesh, Salvador, Kosovo, Myanmar, Lào... và danh sách này đang dài thêm’ [3, tr.17].

Tuy nhiên, PCI không phải là chỉ số duy nhất và không có điểm yếu. Từ năm 2011, các tỉnh còn sử dụng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) để đánh giá hoạt động của khu vực công [4]. Bên cạnh đó, theo nhận định của Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn trong năm 2011, chỉ số PCI ‘có một số hạn chế nhất định về mặt phương

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Bạc Liêu

Ngày nhận bài: 23/4/2022; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 18/5/2022; Ngày chấp nhận đăng: 26/5/2022

*Tác giả liên hệ: lieusonbac11@gmail.com

¹Faculty of Economics, Bac Lieu University

Received date: 23th April 2022; Revised date: 11th May 2022; Accepted date: 26th May 2022

*Corresponding author: lieusonbac11@gmail.com

pháp luận’, thể hiện qua trường hợp ‘chỉ số PCI hoàn toàn bỏ qua khu vực hộ kinh doanh cá thể. Trong khi đó, các hộ kinh doanh cá thể có vai trò rất quan trọng trong việc tạo việc làm nhưng cũng rất dễ bị tổn thương bởi sự thay đổi của môi trường kinh doanh, đặc biệt là sự thay đổi về chính sách’ [5].

Trên thực tế, PCI đã được chính quyền cấp tỉnh tại Việt Nam tin dùng để đánh giá chất lượng điều hành kinh tế và luôn tìm cách phấn đấu nâng cao điểm số cũng như thứ hạng của địa phương mình. Hiện tại, ‘tất cả các địa phương đều chọn việc cải thiện các tiêu chí của PCI làm nền tảng cho hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh cấp tỉnh’ [3, tr.19]. Giải pháp các địa phương đề ra đều căn cứ vào yêu cầu và thực trạng phát triển của địa phương mình, tuy nhiên một số giải pháp có tính tổng hợp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nên khó thấy rõ hiệu quả của việc cải thiện, bởi để tính được điểm số PCI cần khối lượng dữ liệu lớn, xử lý phức tạp và cần thời gian để kiểm tra kết quả. Một số địa phương sau nhiều năm vẫn loay hoay ở khu vực có điểm số thấp hoặc có điểm số thay đổi thất thường mà không rõ xu hướng.

Nghiên cứu này đề xuất một số mô hình làm công cụ và cách tiếp cận khác về phương pháp, nhằm đáp ứng thực tiễn nhu cầu cải thiện điểm số PCI trong ngắn hạn của các địa phương một cách khoa học hơn.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Về khái niệm, ‘PCI đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân’ [3, tr.9]. Sau khi khảo sát trung bình 10.000 doanh nghiệp tư nhân hàng năm [3, tr.50] tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh, thành phố) từ năm 2006 [3, tr.43], chỉ số này cho điểm theo thang 100 đối với 10 chỉ số thành phần có trọng số khác nhau, được cụ thể hóa thành 128 chỉ tiêu và được hiệu chỉnh chu kỳ 4 năm/lần [3, tr.47]. Theo VCCI, ‘chỉ số PCI được xây dựng từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp thường niên có quy mô lớn nhất, được thực hiện công phu nhất tại

Việt Nam hiện nay’ [3, tr.9]. Đến nay, dù đã có những tổng kết kinh nghiệm thực tiễn điều hành kinh tế [6], cảm nang hướng dẫn xây dựng bộ chỉ số năng lực cạnh tranh tới cấp sở, ngành, huyện thị (DDCI) [7], nhưng VCCI chưa có hướng dẫn quy trình hoặc mô hình để các tỉnh, thành phố áp dụng.

Ngoài VCCI, các nghiên cứu của Phan Nhật Thanh đối với tỉnh Hải Dương [8], Nguyễn Xuân Quang và cộng sự đối với thành phố Hải Phòng [9], Trần Anh Tuấn và cộng sự đối với Thành phố Hồ Chí Minh [10], Nguyễn Quyết Thắng và Trần Phương Nam đối với tỉnh Bình Phước [11]..., đều đánh giá được thực trạng, chỉ ra được tác động của các yếu tố cụ thể đến PCI, đề xuất được các giải pháp nâng cao PCI của một tỉnh, thành phố cụ thể trong một giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, nhiều giải pháp tác động đến nhiều chỉ số thành phần nên khó thực hiện, chẳng hạn giải pháp về cải cách hành chính của Nguyễn Quyết Thắng và Trần Phương Nam [11] bao gồm: xây dựng cổng thông tin điện tử hiện đại, chính sách đặc thù để thu hút đầu tư, khảo sát doanh nghiệp về PCI, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức bộ phận “một cửa liên thông”...

Đối với chính quyền cấp tỉnh, các chương trình, kế hoạch, đề án nâng cao PCI của từng tỉnh đều xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện, đặc biệt là có phân công chi tiết cho từng sở, ban, ngành, huyện thị trong tỉnh. Tuy nhiên, các giải pháp thường tác động đến nhiều chỉ số thành phần, liên quan đến nhiều ngành nên khó thực hiện. Chẳng hạn, giải pháp về cải cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bạc Liêu liên quan đến Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục – Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị [12].... Hoặc như giải pháp có ưu tiên của UBND Thành phố Hà Nội: ‘i) tập trung quyết liệt khắc phục hai chỉ số thành phần giảm hạng đáng kể, rơi vào nhóm có xếp hạng thấp, ii) tập trung khắc phục chỉ số thành phần, chỉ tiêu có xu hướng giảm hạng, có xếp hạng thấp và trung bình’ [13].

Từ việc khái lược các nghiên cứu, chúng tôi

đúc kết một số kết quả. Trước hết, các tỉnh, thành phố đều nhận thức được tầm quan trọng của chỉ số PCI, bởi: ‘1 điểm tăng lên của chỉ số PCI chưa có trọng số tại một tỉnh xác định dự tính sẽ dẫn đến: i) tăng thêm 6,9% số doanh nghiệp đang hoạt động; ii) mức đầu tư mới trên đầu người tăng thêm 2,6 triệu đồng, và iii) tăng thêm 1,6% GDP bình quân đầu người trong năm kế tiếp [3, tr.13]. Thứ hai, nhu cầu cải thiện điểm số cũng như thứ hạng PCI là có thật, bởi: ‘Nếu tăng chỉ số thêm 0,5 điểm, một số tỉnh có thể vượt lên 5 bậc xếp hạng.’ [3, tr.39]. Nhưng thực tế, cách làm ở từng địa phương có khác nhau: giải pháp có tính tổng hợp, liên ngành (các chuyên gia, UBND tỉnh Bạc Liêu...), hoặc có ưu tiên nhưng tập trung vào những chỉ số thành phần hiện đang thấp điểm (UBND Thành phố Hà Nội). Thứ ba, mô hình áp dụng chưa được giới thiệu nên sẽ có tình trạng lúng túng trong quá trình thực hiện việc cải thiện.

Bài báo kế thừa kết quả thực trạng – giải pháp từ các nghiên cứu trên, đồng thời đề xuất vận dụng một số mô hình quản trị chất lượng vào từng chỉ tiêu, từng chỉ số thành phần, đồng thời chọn ưu tiên là những chỉ số thành phần có trọng số cao để nhanh chóng thấy được hiệu quả của việc cải thiện.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1

Theo Nguyễn Thị Kim Thúy [14, tr.96], theo dõi chuỗi số liệu của một chỉ tiêu nào đó theo thời gian, đường biểu diễn cho thấy rõ xu hướng, các giá trị quan sát xoay quanh giá trị trung bình với biên độ và độ lệch chuẩn càng nhỏ thì xu hướng đó càng đáng tin cậy, và ngược lại.

Như vậy, nếu kết quả thống kê điểm số PCI của các tỉnh, thành phố có biên độ dao động lớn, độ lệch lớn, tăng giảm bất thường giữa các năm, đường biểu diễn gãy nhiều đoạn, nghĩa là xu hướng sẽ không đáng tin cậy, thì giả thuyết về sự lúng túng là có cơ sở.

Giả thuyết 2

Cách tính điểm số PCI của VCCI cho thấy khả năng khuếch đại, cộng hưởng của một số chỉ số thành phần có trọng số cao, khi chúng biến động cùng chiều [3, tr.48]. Theo đó, điểm số PCI sẽ

tăng hoặc giảm nhanh hơn biến động thực của các chỉ số thành phần, thậm chí sẽ cùng chiều với biến động của các chỉ số thành phần có trọng số cao, cho dù các chỉ số thành phần còn lại có thay đổi theo chiều nào đi nữa.

B. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu này là quá trình cải thiện điểm số PCI, do đó dữ liệu được thu thập bằng cách trích lục bộ dữ liệu của 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam được VCCI công bố từ năm 2006 đến 2020, không sử dụng năm 2005 do chỉ có 42 tỉnh, thành phố được khảo sát. Trong đó, bài báo chọn lọc những tỉnh, thành phố có biến động lớn, thất thường về điểm số PCI để xem xét giả thuyết về sự lúng túng trong thực hiện. Ngoài ra, bài báo cũng chọn lọc một số tỉnh, thành phố có các chỉ số thành phần có trọng số cao biến động cùng chiều để xem xét sự cộng hưởng đến điểm số và thứ hạng PCI.

Dữ liệu được xử lý bằng các phương pháp: thống kê mô tả để tóm tắt một số đặc điểm của PCI, so sánh để thấy xu hướng biến động của PCI, tổng hợp để rút ra những nét chung có tính phổ biến của PCI.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Về sự lúng túng trong quá trình cải thiện điểm số PCI

Nghiên cứu xử lý dữ liệu về điểm số PCI của tất cả các tỉnh, thành phố bằng phương pháp thống kê mô tả để xác định một số chỉ tiêu như điểm tối thiểu, điểm tối đa, điểm trung bình, biên độ và độ lệch. Tỉnh, thành phố có biên độ và độ lệch lớn so với giá trị trung bình sẽ được xem là có lúng túng. Kết quả thể hiện qua Bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, chỉ một số ít tỉnh, thành phố có biên độ và độ lệch thấp so với giá trị trung bình (An Giang, Ninh Bình, Thành phố Hồ Chí Minh), đa số đều có biên độ > 10 điểm hoặc độ lệch > 3 điểm. Đặc biệt, 15 tỉnh có biên độ > 20 điểm và độ lệch > 6 điểm (Bắc Kạn, Bạc Liêu, Bình Dương, Cao Bằng, Đắk Nông, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Kon Tum, Lai Châu, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thanh Hóa). Điều này cho thấy có sự lúng túng nhất định ở nhóm tỉnh này.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu thống kê về PCI của 63 tỉnh, thành phố giai đoạn 2006 – 2020

(Đơn vị tính: điểm)

TT	Tỉnh, thành phố	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Biên độ	Điểm trung bình	Độ lệch
1	An Giang	57,61	66,47	8,86	61,89	2,86
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	55,54	66,96	11,42	62,03	3,68
3	Bắc Giang	47,44	64,47	17,03	57,75	5,00
4	Bắc Kạn	39,78	62,80	23,02	53,53	6,11
5	Bạc Liêu	40,92	63,78	22,86	55,92	7,84
6	Bắc Ninh	56,47	70,79	14,32	62,90	3,81
7	Bến Tre	54,33	69,34	15,01	62,76	4,17
8	Bình Định	58,18	69,46	11,28	62,74	3,40
9	Bình Dương	58,15	77,61	19,46	66,50	6,49
10	Bình Phước	45,47	65,96	20,49	56,93	4,91
11	Bình Thuận	52,84	65,33	12,49	59,71	3,75
12	Cà Mau	43,87	64,10	20,23	56,91	5,17
13	Cần Thơ	56,32	68,38	12,06	62,08	3,13
14	Cao Bằng	40,18	63,69	23,51	52,33	7,14
15	Đà Nẵng	61,71	75,96	14,25	69,67	3,68
16	Đắk Lắk	50,57	64,81	14,24	57,68	4,34
17	Đắk Nông	37,96	61,96	24,00	51,13	7,44
18	Điện Biên	36,39	64,11	27,72	53,87	8,71
19	Đồng Nai	56,93	65,82	8,89	61,65	3,14
20	Đồng Tháp	57,65	72,81	15,16	66,65	3,75
21	Gia Lai	51,82	65,34	13,52	57,62	3,84
22	Hà Giang	48,18	62,62	14,44	55,50	4,43
23	Hà Nam	47,22	65,07	17,85	56,71	5,19
24	Hà Nội	50,14	68,80	18,66	59,22	5,29
25	Hà Tĩnh	41,62	65,99	24,37	56,96	7,31
26	Hải Dương	52,87	63,85	10,98	58,02	3,17
27	Hải Phòng	47,68	69,27	21,59	58,53	6,37
28	Hậu Giang	53,10	64,38	11,28	59,95	3,32
29	Hòa Bình	47,82	63,84	16,02	55,26	5,30
30	Hưng Yên	49,77	63,60	13,83	57,71	3,56
31	Khánh Hòa	52,12	65,37	13,25	59,00	4,09
32	Kiên Giang	52,25	64,99	12,74	60,05	4,19
33	Kon Tum	40,75	63,54	22,79	54,35	6,92
34	Lai Châu	36,07	61,98	25,91	52,67	7,81
35	Lâm Đồng	48,10	66,23	18,13	57,17	5,70
36	Lạng Sơn	43,23	63,79	20,56	54,44	5,95
37	Lào Cai	59,43	73,62	14,19	65,32	3,54
38	Long An	49,73	70,37	20,64	62,89	5,18
39	Nam Định	48,72	65,09	16,37	56,77	5,13
40	Nghệ An	48,46	66,64	18,18	57,26	5,60
41	Ninh Bình	55,78	64,58	8,80	60,06	2,64
42	Ninh Thuận	45,90	64,89	18,99	56,48	5,79

Bảng 1: Một số chỉ tiêu thống kê về PCI của 63 tỉnh, thành phố giai đoạn 2006 – 2020 (tt)

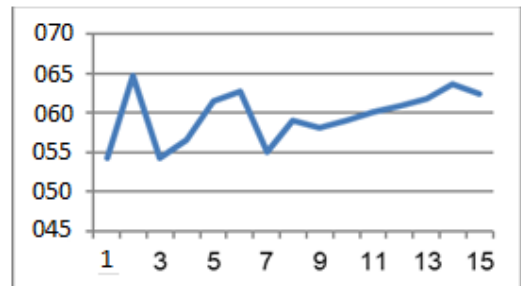
43	Phú Thọ	52,47	65,54	13,07	58,05	4,46
44	Phú Yên	51,24	64,14	12,90	57,26	3,65
45	Quảng Bình	44,17	63,71	19,54	56,19	5,47
46	Quảng Nam	56,20	69,42	13,22	62,04	3,41
47	Quảng Ngãi	42,98	64,33	21,35	57,57	6,29
48	Quảng Ninh	54,05	75,09	21,04	64,11	6,29
49	Quảng Trị	50,72	63,84	13,12	57,36	4,50
50	Sóc Trăng	54,24	64,68	10,44	59,60	3,38
51	Sơn La	45,66	63,38	17,72	55,04	5,39
52	Tây Ninh	45,09	67,05	21,96	58,39	6,30
53	Thái Bình	50,57	65,38	14,81	58,27	4,15
54	Thái Nguyên	46,03	67,71	21,68	59,04	6,00
55	Thanh Hóa	45,29	65,64	20,35	58,01	6,11
56	Thừa Thiên – Huế	49,83	66,50	16,67	61,18	4,11
57	Tiền Giang	52,32	65,81	13,49	59,61	3,85
58	Thành phố Hồ Chí Minh	59,67	67,16	7,49	63,08	2,27
59	Trà Vinh	55,17	65,80	10,63	60,12	3,14
60	Tuyên Quang	47,60	65,13	17,53	56,04	5,69
61	Vĩnh Long	54,15	71,30	17,15	64,32	4,68
62	Vĩnh Phúc	55,15	69,37	14,22	63,18	3,49
63	Yên Bái	52,67	64,98	12,31	59,20	3,55

Nguồn: Tác giả xử lý bằng phần mềm Excel trên bộ dữ liệu của VCCI [15]

Ngoài ra, sự lúng túng còn thể hiện ở điểm số PCI tăng, giảm đột ngột trong khoảng thời gian ngắn, đường biểu diễn trên đồ thị sẽ gây thành nhiều đoạn, xu hướng không rõ ràng. Nghiên cứu này đã vẽ đồ thị của từng tỉnh, thành phố và nhận thấy đường biểu diễn PCI của sáu tỉnh (An Giang, Bình Định, Đồng Nai, Ninh Bình, Sóc Trăng, Trà Vinh) là bị gãy nhiều nhất. Dưới đây là đồ thị PCI của tỉnh Sóc Trăng được chọn làm điển hình, vì các tỉnh còn lại trong nhóm sáu tỉnh có tình trạng tương tự.

Hình 1 cho thấy, đường biểu diễn của tỉnh Sóc Trăng gãy nhiều từ năm 2006 đến năm 2013, thể hiện rõ sự lúng túng trong khoảng thời gian đầu áp dụng chỉ số PCI.

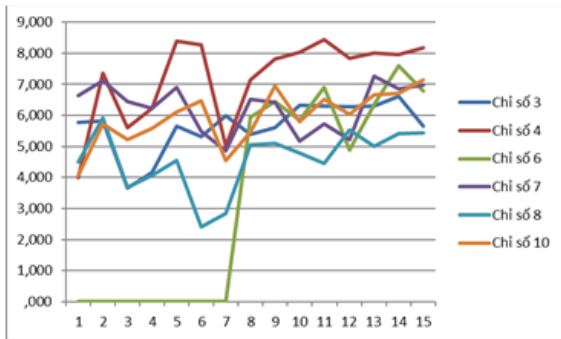
Xem xét chi tiết từng chỉ số thành phần của điểm số PCI bằng đồ thị, nghiên cứu nhận thấy một số chỉ số thành phần cũng có dạng thay đổi đột ngột trong khoảng thời gian nào đó. Nghiên cứu chọn sử dụng tiếp tục dữ liệu chỉ số thành phần của tỉnh Sóc Trăng với đồ thị của 6/10 chỉ số thành phần có biến động nhiều nhất.



Hình 1: PCI tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2006 – 2020

Nguồn: Tác giả xử lý bằng phần mềm Excel trên bộ dữ liệu của VCCI [15]

Hình 2 cho thấy có sự lúng túng nhất định đối với 6/10 chỉ số thành phần của tỉnh Sóc Trăng. Kết quả này cũng tương tự ở năm tỉnh còn lại của nhóm tỉnh có nhiều biến động nhất, bởi điểm số PCI là tổng hợp của điểm số 10 chỉ số thành phần.



Hình 2: Đồ thị 6/10 chỉ số thành phần trong PCI của tỉnh Sóc Trăng có biến động nhiều trong giai đoạn 2006 – 2020

Nguồn: Tác giả xử lý bằng phần mềm Excel trên bộ dữ liệu của VCCI [15]

Như vậy, có sự lúng túng nhất định đối với một số tỉnh, thành phố trong quá trình cải thiện điểm số PCI chung cũng như từng chỉ số thành phần. Điều này phù hợp với giả thuyết của bài báo, từ đó cần thiết phải có quy trình để việc cải thiện điểm số PCI được bài bản và khoa học hơn.

B. Về đề xuất ưu tiên cho những chỉ số thành phần có trọng số cao

Việc Thành phố Hà Nội [13] ưu tiên cho những chỉ số thành phần hiện đang có giá trị thấp là hợp lý, nhưng khó áp dụng cho những địa phương khác vì thực trạng điểm số PCI ở các địa phương khác với Hà Nội, nhất là những tỉnh, thành phố có nhiều chỉ số thành phần có giá trị thấp. Hoặc như khuyến cáo của VCCI [3, tr.39], ‘các tỉnh nên tập trung vào cải thiện điểm số tuyệt đối của các chỉ số thành phần cũng như chỉ số tổng hợp PCI...’ sẽ khó thấy được hiệu quả của việc cải thiện vì không có điểm ưu tiên.

Nghiên cứu này đề xuất ưu tiên theo thứ tự từ chỉ số thành phần có trọng số cao, đến trung bình và thấp, bởi theo VCCI [3, tr.48]:

Điểm PCI = $\sum_{i=1}^{10}$ (chỉ số thành phần thứ i x trọng số)

Trong đó:

Chỉ số thành phần 1: Chi phí gia nhập thị trường, trọng số 5%

Chỉ số thành phần 2: Tiếp cận đất đai, trọng số 5%

Chỉ số thành phần 3: Tính minh bạch, trọng số 20%

Chỉ số thành phần 4: Chi phí thời gian, trọng số 5%

Chỉ số thành phần 5: Chi phí không chính thức, trọng số 10%

Chỉ số thành phần 6: Cạnh tranh bình đẳng, trọng số 5%

Chỉ số thành phần 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh, trọng số 5%

Chỉ số thành phần 8: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, trọng số 20%

Chỉ số thành phần 9: Đào tạo lao động, trọng số 20%

Chỉ số thành phần 10: Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự, trọng số 5%.

Nếu ưu tiên cải thiện các chỉ số thành phần có trọng số cao sẽ nhanh chóng cải thiện điểm PCI, nhưng đây là việc làm khó bởi các chỉ số này có quan hệ qua lại với nhau. Ưu tiên ở đây được hiểu là sớm hơn, nhanh hơn chứ không phải bỏ qua, xem nhẹ các chỉ số thành phần có trọng số thấp. Đặc biệt, nếu những chỉ số thành phần có trọng số cao đều được cải thiện sẽ tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, khuếch đại lên điểm số PCI.

Trên cơ sở quan sát và phân tích bộ dữ liệu của VCCI [15], bài báo nhận thấy như sau:

Chưa tìm thấy trường hợp cả ba chỉ số thành phần có trọng số 20% cùng tăng trong khi những chỉ số thành phần còn lại cùng giảm trong hai năm liên tiếp, hoặc ngược lại;

Có nhiều tỉnh phát sinh trường hợp ba chỉ số thành phần có trọng số 20% cùng tăng hoặc cùng giảm trong hai năm liên tiếp, trong khi nhóm chỉ số thành phần còn lại vừa tăng vừa giảm. Tuy nhiên, điểm số PCI cuối cùng trong hai năm đó luôn cùng chiều với nhóm ba chỉ số thành phần có trọng số 20%. Điều đó cho thấy có sự khuếch đại nhất định của ba chỉ số thành phần này đến điểm số PCI.

Nghiên cứu chọn trường hợp tỉnh Kiên Giang (với ba chỉ số có trọng số 20% cùng tăng trong hai năm 2008, 2009) và tỉnh Trà Vinh (với ba chỉ số có trọng số 20% cùng giảm trong hai năm 2010, 2011) làm điển hình cho tác động cộng hưởng, vì có sự thay đổi nhiều đến điểm số PCI và thứ hạng của hai tỉnh này trong hai năm đó. Kết quả trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2: Điểm số PCI của tỉnh Kiên Giang năm 2008 và năm 2009
(Đơn vị tính: điểm)

Chỉ số/Năm	2008	2009	So sánh
Gia nhập thị trường	8,21	8,72	0,51
Tiếp cận đất đai	6,79	8,11	1,32
Tính minh bạch	5,81	6,34	0,53
Chi phí thời gian	6,01	7,44	1,43
Chi phí không chính thức	6,95	7,21	0,26
Cạnh tranh bình đẳng	N/A	N/A	/
Tính năng động	5,91	5,62	-0,29
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	2,36	4,27	1,91
Đào tạo lao động	2,78	4,25	1,47
Thiết chế pháp lí	6,54	5,94	-0,6
PCI	52,25	63,04	6,54
Xếp hạng	35	19	

Nguồn: Trích bộ dữ liệu của VCCI [15]

Bảng 2 cho thấy, năm 2009 tỉnh Sóc Trăng chỉ tăng 6,54 điểm so với năm 2008, nhưng nhờ hiệu ứng khuếch đại, điểm số thực tế của tỉnh này đã tăng tới 10,79 điểm.

Bảng 3: Điểm số PCI của tỉnh Trà Vinh năm 2010 và 2011
(Đơn vị tính: điểm)

Chỉ số/Năm	2010	2011	So sánh
Gia nhập thị trường	7,37	9,02	1,65
Tiếp cận đất đai	8,65	7,09	-1,56
Tính minh bạch	6,07	5,58	-0,49
Chi phí thời gian	7,04	6,32	-0,72
Chi phí không chính thức	8,53	8,51	-0,02
Cạnh tranh bình đẳng	N/A	N/A	/
Tính năng động	7,75	3,62	-4,13
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	3,58	2,31	-1,27
Đào tạo lao động	5,36	4,29	-1,07
Thiết chế pháp lí	5,19	5,11	-0,08
PCI	65,8	57,61	-7,69
Xếp hạng	4	42	

Nguồn: Trích bộ dữ liệu của VCCI [15]

Trường hợp tỉnh Trà Vinh cũng tương tự. Bảng 3 cho thấy, năm 2011 tỉnh Trà Vinh chỉ giảm 7,69 điểm so với năm 2010, nhưng vì hiệu ứng khuếch đại, điểm số thực tế của tỉnh này đã giảm tới 8,19 điểm.

Kết quả phân tích dữ liệu ở hai tỉnh Kiên Giang, Trà Vinh cho thấy có sự khuếch đại nhất

định đến điểm số PCI khi cả ba chỉ số có trọng số 20% đều biến động cùng chiều. Điều này cho thấy có cách khác để sớm cải thiện điểm số PCI thay vì chỉ tập trung vào những chỉ số thành phần đang có giá trị thấp như của Thành phố Hà Nội [13], hoặc tập trung vào tất cả các chỉ số thành phần như khuyến cáo của VCCI [3, tr.39].

C. Mô hình đề xuất

PCI là chỉ số về chất lượng hoạt động điều hành kinh tế của chính quyền cấp tỉnh, nên có cùng bản chất với hoạt động quản trị chất lượng của doanh nghiệp, vì vậy nghiên cứu này đề xuất vận dụng các mô hình sau đây:

Mô hình PDCA [16]: Là chu trình cải tiến liên tục, được Walter A. Shewhart nghiên cứu năm 1939 và William Edwards Deming giới thiệu cho người Nhật những năm 1950 (nên còn gọi là chu trình Deming, vòng tròn Deming), gồm bốn bước:

- Lập kế hoạch – Plan (hoạt động P): Suy nghĩ và lập kế hoạch;
- Hành động – Do (hoạt động D): Triển khai kế hoạch với độ chính xác cao;
- Đánh giá – Check (hoạt động C): Kiểm chứng kết quả;
- Cải tiến – Act (hoạt động A): Thay đổi, cải tiến để tiến bộ hơn.

Mô hình PDCA ngày nay đã được kết hợp vào Hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 [17].

Mô hình SWOT [18, tr.204]: Được Marion Doshier, Otis Benepe, Albert Humphrey, Robert Stewart, Birger Lie giới thiệu năm 1964 tại Thụy Sĩ với mục đích nghiên cứu nguyên nhân vì sao nhiều công ti thất bại trong việc thực hiện kế hoạch.

Như vậy, mỗi yếu tố sẽ được định vị trong ma trận:

- Yếu tố điểm mạnh (Strengths) cần khai thác triệt để;
- Yếu tố điểm yếu (Weaknesses) cần nhanh chóng khắc phục;
- Yếu tố cơ hội (Opportunities) cần nắm bắt;
- Yếu tố thách thức (Treats) cần tránh.

Ma trận SWOT có thể giúp các nhà quản trị phát triển bốn loại chiến lược sau:

	Thuận lợi (Helpful)	Khó khăn (Harmful)
Bên trong (Internal origin)	Điểm mạnh (Strengths)	Điểm yếu (Weaknesses)
Bên ngoài (External origin)	Cơ hội (Opportunities)	Thách thức (Treats)

Hình 3: Sơ đồ ma trận SWOT

- Chiến lược điểm mạnh – cơ hội (SO): Sử dụng những điểm mạnh bên trong công ti để tận dụng những cơ hội bên ngoài;

- Chiến lược điểm yếu – cơ hội (WO): Cải tiến những điểm yếu bên trong để tận dụng những cơ hội bên ngoài;

- Chiến lược điểm mạnh – nguy cơ (ST): Sử dụng những điểm mạnh bên trong để tránh khỏi hay giảm đi ảnh hưởng của những mối đe dọa bên ngoài;

- Chiến lược điểm yếu – nguy cơ (WT): Làm giảm những điểm yếu bên trong để tránh khỏi những mối đe dọa bên ngoài.

D. Khuyến nghị

Về xây dựng quy trình, nghiên cứu đề xuất vận dụng mô hình PDCA, trong đó hoạt động P sẽ vận dụng mô hình SWOT, vì những mô hình có cùng bản chất quản trị chất lượng với PCI.

Về thứ tự ưu tiên, nghiên cứu đề xuất ưu tiên từ chỉ số thành phần có trọng số cao đến trung bình rồi đến thấp, vì tác động cộng hưởng như đã trình bày.

Ngoài ra, khi xem xét các chỉ tiêu của từng chỉ số thành phần, nghiên cứu nhận thấy có thể phân loại thành các nhóm để thực hiện ưu tiên, việc làm này cũng có thể nhanh chóng cải thiện điểm số PCI. Vì vậy, nghiên cứu còn đề xuất mở rộng áp dụng ưu tiên theo nhóm như sau:

- Theo thẩm quyền: ưu tiên ở tỉnh vì chủ động hơn;

- Theo mức độ từ dễ đến khó: công việc thường xuyên ưu tiên hơn công việc đòi hỏi thủ tục phức tạp.

Dưới đây là quy trình đề xuất cụ thể:

1. Hoạt động P: Lập kế hoạch cải thiện

Bước 1: Thành lập bộ phận chuyên trách với con người, nhiệm vụ cụ thể.

Bước 2: Nắm rõ quy định (công thức tính PCI, 10 chỉ số thành phần, 128 chỉ tiêu, trọng số...), quy trình (lập – thẩm định – trình – duyệt – công bố – đối chiếu – phản hồi...). Tổng hợp, hệ thống hóa thành cẩm nang, sổ tay... để thuận lợi cho việc tra cứu.

Bước 3: Nắm rõ thực trạng.

- Tổng hợp, hệ thống hóa thành cơ sở dữ liệu để phục vụ cho việc tra cứu.

- So sánh thực trạng với quy định, quy trình.

Bước 4: Phân nhóm theo thứ tự ưu tiên.

- Theo trọng số (20%, 10%, 5%);

- Theo thẩm quyền (tỉnh, trung ương);

- Theo mức độ dễ/khó (chủ quan, chủ động/khách quan, bị động...).

Bước 5: Lập kế hoạch cải thiện với mục tiêu, công việc, thời hạn cụ thể.

- Cụ thể về mục tiêu:

+ Ưu tiên từ nhóm có trọng số cao đến thấp;

+ Ưu tiên theo thẩm quyền: từ tỉnh đến trung ương;

+ Ưu tiên theo mức độ: từ dễ đến khó.

- Cụ thể về công việc: Lập ma trận phân tích SWOT để xác định thực trạng là điểm mạnh hay điểm yếu, cơ hội hay thách thức, từ đó xác định công việc phải làm tiếp theo.

- Cụ thể về thời hạn hoàn thành mỗi công việc. Đây là yêu cầu bắt buộc để xác định trách nhiệm của những người tham gia thực hiện.

2. Hoạt động D: Thực hiện kế hoạch đã lập

Bước 1: Triển khai thực hiện theo đúng nội dung kế hoạch đã đề ra.

Bước 2: Thu thập thông tin, dữ liệu qua đối chiếu, báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết.

3. Hoạt động C: Kiểm tra, đánh giá

Bước 1: Xác nhận thông tin, dữ liệu, mã hóa thành minh chứng và tập hợp vào cơ sở dữ liệu.

Bước 2: Lập báo cáo đánh giá, trong đó phân tích rõ những nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện.

Bước 3: Thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về những tình huống phát sinh, những khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện.

4. Hoạt động A: Rà soát, cải tiến quy trình

Bước 1: Hoàn thiện, công bố báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.

Bước 2: Đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng cho kì sau.

V. KẾT LUẬN

Ở nước ta, khối doanh nghiệp tư nhân được xem là động lực phát triển kinh tế của đất nước, vì thế cải thiện điểm số PCI cũng chính là tạo động lực cho phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng có sự lúng túng nhất định của một số tỉnh, thành phố trong quá trình cải thiện điểm số PCI do chưa có mô hình áp dụng, từ đó đề xuất vận dụng mô hình bốn bước tuần hoàn PDCA, kết hợp với mô hình phân tích bốn trạng thái SWOT trong thiết kế quy trình cải thiện.

Nghiên cứu cũng cho thấy có khả năng cải thiện điểm số PCI nhanh hơn nếu ưu tiên hơn cho các chỉ số thành phần có trọng số cao, từ đó đề xuất một chiến thuật về ba đối tượng ưu tiên trong quá trình thực hiện nhằm nhanh chóng thấy được hiệu quả của việc cải thiện, tạo năng lực tích cực để thực hiện những phần việc còn lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Phi Hổ, Lê Ngọc Uyển, Lê Thị Thanh Tùng. *Kinh tế phát triển*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Thống kê; 2009.
- [2] Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. *Tim hiểu về Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu*; 2022. Truy cập từ https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/chuong-trinh-phat-trien-tai-san-tri-tue/-/asset_publisher/vTLYJq8Ak7Gm/content/tim-hieu-ve-bao-cao-nang-luc-can-tranh-toan-cau-global-competitiveness-report-gcr-?redirect=%2Fweb%2Fguest%2Fchuong-trinh-phat-trien-tai-san-tri-tue&inheritRedirect=true [Ngày truy cập: 30/5/2022].
- [3] VCCI-USAID. *Sổ tay hướng dẫn sử dụng kết quả điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh*; 2018. Truy cập từ <https://pcivietnam.vn/an-pham/so-tay-huong-dan-su-dung-ket-qua-dieu-tra-chi-so-nang-luc-can-tranh-cap-tinh-pci-ct53> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [4] PAPI. *Về PAPI*; 2020. Truy cập từ <https://papi.org.vn/ve-papi/> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [5] Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn. *Từ PCI đến PFI*; 2011. Truy cập từ https://ipsard.gov.vn/news/newsdetail.asp?targetID=4989#_ftnref1 [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [6] VCCI-USAID. *Thực tiễn tốt trong điều hành kinh tế nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư*; 2013. Truy cập từ <https://pcivietnam.vn/an-pham/thuc-tien-tot-trong-dieu-hanh-kinh-te-nham-cai-thien-moi-truong-kinh-doanh-va-dau-tu-ct46> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [7] VCCI-USAID. *Kinh nghiệm xây dựng bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và huyện thị (DDCI)*; 2019. Truy cập từ <https://pcivietnam.vn/an-pham/kinh-nghiem-xay-dung-bo-chi-so-nang-luc-can-tranh-cap-so-nganh-va-huyen-thi-ddci-ct48> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [8] Phan Nhật Thanh. *Nghiên cứu nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Hải Dương* [Luận án Tiến sĩ]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; 2011.
- [9] Nguyễn Xuân Quang và cộng sự. *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của Hải Phòng đến năm 2020*; 2016. Truy cập từ <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/6942/nghien-cuu-de-xuat-cac-giai-phap-nang-cao-chi-so-nang-luc-can-tranh-pci-cua-hai-phong-den-nam-2020.aspx> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [10] Trần Anh Tuấn, Vũ Ngọc Anh, Phan Thị Xuân Diệu, Vương Tịnh Mạch, Khiếu Văn Công, Nguyễn Thị Bảo Khánh và cộng sự. *Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố Hồ Chí Minh*; 2017. Truy cập từ <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/co-che-chinh-sach> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [11] Nguyễn Quyết Thắng, Trần Phương Nam. *Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Bình Phước*; 2020. Truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nang-cao-chi-so-nang-luc-can-tranh-cap-tinh-pci-cua-tinh-binh-phuoc-70429.htm> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [12] Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu. *Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*. Cổng thông tin điện tử tỉnh Bạc Liêu; 2021. Truy cập từ <https://baclieu.gov.vn/vi/vbcedhcubndt> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [13] Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. *Chỉ thị về việc nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021*; 2021. Truy cập từ <https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/chi-thi-14-ct-ubnd-ha-noi-nang-cao-chi-so-nang-luc-can-tranh-cap-tinh-2021-203061-d2.html> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [14] Nguyễn Thị Kim Thúy. *Nguyên lý thống kê*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Thống kê; 2009.

- [15] VCCI-USAID. *Tổng hợp dữ liệu PCI*. Truy cập từ <https://pcivietnam.vn/du-lieu-pci> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [16] Masato Inada (Nguyễn Thị Mai dịch). *PDCA chuyên nghiệp*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Công Thương; 2019.
- [17] Isocert. *PDCA là gì ?, Quy trình PDCA trong hệ thống quản lý chất lượng*. Truy cập từ <https://isocert.org.vn/pdca-la-gi> [Ngày truy cập: 15/12/2021].
- [18] Nguyễn Thị Liên Diệp. *Quản trị học*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Lao động – Xã hội; 2008.